

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/ HNGĐ- ST
Ngày 10/6/2019
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phúc Ân
2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1969

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1968

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố C, tỉnh H.

Chị L có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị L và anh H kết hôn ngày 06/11/1989, khi đó chị L 20 tuổi và anh H 21 tuổi, đều làm ruộng ở K, H, C, H. Anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố C, tỉnh H.

Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh H. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2009, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian này, chị L có nghi ngờ anh H không nói thật với chị về kinh tế gia đình cũng như sinh hoạt hằng ngày. Anh H thường xuyên trì trệ đòi hỏi chuyện tiền nong với chị. Mỗi lần, vợ chồng nói chuyện với nhau trên điện thoại là xảy ra cãi cọ, chửi bới, xúc phạm nhau. Dần dần, vợ chồng không liên lạc với nhau nữa. Chị bỏ trốn ra ngoài và đến tháng 7 năm 2018, chị ra đầu thú để về nước. Khi về được hai tháng, anh H thường xuyên chửi và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị phải sang ở nhờ nhà cháu ở B- H, thi thoảng chị có về thăm con và cháu nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó. Đến khoảng tháng 12 năm 2018, chị về sinh sống cùng với con trai và con dâu ở nhà dưới, anh H ở nhà trên nhưng giữa chị và anh H không trò chuyện, quan tâm gì đến nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Lúc này, chị có làm đơn xin ly hôn anh H ra Tòa án C. Anh H không hợp tác, không xuống Tòa án để làm việc, mỗi lần Tòa án tiến hành tổng đạt hay niêm yết giấy tờ gì là anh H chửi bới, xúc phạm chị nặng nề. Thêm vào nữa, anh em nhà anh H ở xung quanh hai bên hàng xóm cũng sang chửi và xúc phạm chị, gia đình chị. Chị xét thấy cuộc sống gia đình rất mệt mỏi, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H. Anh H thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không liên lạc gì với nhau từ năm 2009 khi chị L vẫn còn đang lao động tại Đài Loan. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế. Từ đó cho đến nay, chị L đi đâu, làm gì anh cũng không quan tâm. Chị L cũng không gửi tiền cho anh lo việc gia đình, chăm lo cho các con. Đến cuối năm 2018, chị L về chung sống tại nhà anh nhưng sống ở nhà dưới cùng con trai và con dâu, chủ động ăn riêng, ngủ riêng và không trò chuyện với anh. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị L muốn sống ở đâu, làm gì anh cũng không quan tâm. Anh không chủ động nói chuyện, hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng như bảo chị L lên nhà trên sinh sống cùng với anh. Do anh chị đã lớn tuổi và còn để là chỗ dựa cho con cháu nên anh không đồng ý ly hôn chị L. Còn nếu chị L kiên quyết xin ly hôn anh thì tùy chị L tự giải quyết, tự thu xếp đồ đạc cá nhân của chị L và đi ra khỏi nhà anh.

Về con chung: Chị L và anh H có hai con chung là Nguyễn Văn L sinh ngày 09/12/1990 và Nguyễn Văn T sinh ngày 27/12/1993. Khi ly hôn, cháu L, T đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường nên chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị L và anh H xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh với cơ sở thôn K, xã H, thành phố C, tỉnh H thể hiện: Trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh H có xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay. Chị L đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan và không liên lạc, không gửi tiền về cho anh H chi phí sinh hoạt gia đình. Đến tháng 7 năm 2018, chị L về nước hẳn, sinh sống tại thôn K, giữa chị L và anh H lại thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, gây mất trật tự trị an thôn xóm. Cơ sở thôn có đến hòa giải, phân tích cho vợ chồng anh H chị L nhưng anh chị vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Hiện tại, anh chị sinh sống cùng khu đất, anh H ở nhà trên, chị L ở nhà dưới. Theo dư luận tại thôn, anh H và chị L đều xác định không còn coi nhau là vợ chồng. Nhưng khi chị L làm đơn xin ly hôn anh H, anh H có từ chối không đến Tòa án, không tham gia hòa giải. Nay chị L kiên quyết xin ly hôn anh H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, anh H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị L khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H có địa chỉ cư trú tại xã H, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn H là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ nhưng xin xử vắng mặt,

Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn với lý do anh chị thiếu lòng tin với nhau về kinh tế. Anh chị có xảy ra mâu thuẫn, chửi bới, xúc phạm, thiếu tôn trọng nhau. Từ đó, anh chị không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng vẫn chưa được cải thiện thì đến tháng 7 năm 2018, chị L bị trục xuất về nước về sinh sống tại K, H và mâu thuẫn vợ chồng càng xảy ra trầm trọng hơn. Anh H thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị L. Vợ chồng sống chung trên cùng mảnh đất nhưng không trò chuyện, không quan tâm, bỏ mặc nhau. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là một giải pháp tích cực để giải phóng cho hai anh chị cũng như các thành viên khác trong gia đình khỏi cảnh bất bình thường, bảo đảm lợi ích của vợ chồng anh chị, của gia đình và của xã hội. Anh H không đồng ý ly hôn chị L nhưng anh cũng không còn biện pháp nào để níu kéo tình cảm vợ chồng. Khi Tòa án tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị, anh H từ chối tham gia hòa giải. Hơn nữa, việc anh H không đồng ý ly hôn chị L vì cho rằng anh chị đã lớn tuổi, là chỗ dựa cho con cháu không phải lý do để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Con chung của anh chị là Nguyễn Văn L sinh ngày 09/12/1990 và Nguyễn Văn T sinh ngày 27/12/1993, hiện đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị L và anh H không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn H.
- Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001127 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh H(nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND xã H, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương